

I PHÀN TRẮC NGHIỆM (thời gian làm bài 30 phút)

Câu 1: Đầu **không phải** là ý nghĩa của quá trình nguyên phân.

- A Giúp cơ thể sinh trưởng, phát triển. B Là cơ chế sinh sản ở sinh vật đơn bào
C Giúp tái sinh mô bị tổn thương D Làm số nhiễm sắc thể trong tế bào con giảm đi một nửa.

Câu 2: Các hợp chất peô nơl có ứng dụng?

- A Khử trùng trong phòng thí nghiệm B Diệt vi khuẩn, động vật nguyên sinh
C Thanh trùng nước máy D Diệt bào tử nấm

Câu 3: Quá trình nguyên phân gồm:

- A Kì đầu, kì giữa, kì sau, kì cuối B Pha G1, S, G2 và phân chia tế bào chất.
C Phân chia nhân và phân chia tế bào chất D Kì trung gian, kì đầu, kì giữa, kì sau, kì cuối

Câu 4: Đầu **không phải** là hình thức sinh sản của vi sinh vật.

- A Nảy chồi B Phân mảnh C Phân đôi D Bào tử

Câu 5: Trường hợp nào sau đây hạn chế sự sinh trưởng của vi khuẩn ?

- A Tạo điều kiện ánh sáng yếu. B Tạo điều kiện ẩm độ cao
C Tạo điều kiện nhiệt độ ẩm D Tạo điều kiện ẩm độ thấp

Câu 6: Chu kì tế bào bao gồm:

- A Pha G1, S, G2 và quá trình nguyên phân
B Kì đầu, kì giữa, kì sau, kì cuối
C Quá trình nguyên phân và quá trình giảm phân
D 2 giai đoạn là phân chia nhân và phân chia tế bào chất

Câu 7: Vi sinh vật không có đặc điểm nào sau đây?

- A Gồm cả sinh vật nhân sơ và nhân thực. B Sinh sống ở khắp các môi trường.
C Là những cơ thể có kích thước nhỏ bé. D Sinh trưởng và sinh sản chậm

Câu 8: Khi không có ánh sáng và giàu khí CO₂, một loại vi sinh vật có thể phát triển trên môi trường với thành phần tính theo đơn vị gam/ lít như sau; MgSO₄-0,2; CaCl₂- 0,1; KH₂PO₄- 1,0; (NH₄)₃PO₄- 1,5. Vi sinh vật phát triển trên môi trường trên có kiểu dinh dưỡng là?

- A Quang tự dưỡng B Hóa tự dưỡng C Quang dị dưỡng D Hóa dị dưỡng

Câu 9: Một quần thể vi khuẩn có 10² tế bào, sau 2 giờ người ta thấy số tế bào trong quần thể là 3200 tế bào. Thời gian của một thế hệ là?

- A 35 phút B 15 phút C 24 phút D 30 phút

Câu 10: Giảm phân 2 gồm các kì.

- A Kì đầu 2, kì giữa 2, kì sau 2, kì cuối 2 B Kì giữa 2, kì sau 2, kì cuối 2
C Kì trung gian 2, kì giữa 2, kì sau 2, kì cuối 2 D Kì trung gian 2, Kì giữa 2, kì sau 2, kì cuối 2

Câu 11: Một quần thể vi khuẩn có 10 tế bào, sau 2 giờ người ta thu được 40 tế bào trong quần thể, thời gian của một thế hệ là?

- A 30 phút B 60 phút C 120 phút D 20 phút

Câu 12: Sinh trưởng của vi sinh vật là?

- A Sự tăng lên về kích thước của mỗi tế bào trong quần thể
B Sự tăng lên về số lượng tế bào trong quần thể.
C Sự tăng lên về kích thước và khối lượng của cơ thể.
D Sự tăng lên về khối lượng của quần thể.

Câu 13: Ý nghĩa của giảm phân.

- A Nhờ giảm phân tạo ra giao tử có bộ NST đơn bội (n), thông qua thụ tinh mà bộ NST (2n) của loài được khôi phục.
B Nhờ có giảm phân tạo ra tế bào con có bộ nhiễm sắc thể giữ nguyên bộ NST của tế bào ban đầu.
C Nhờ giảm phân tạo ra giao tử có bộ NST 2n, giúp ổn định bộ NST của loài qua các thế hệ.
D Nhờ giảm phân tạo ra giao tử có bộ NST 2n, thông qua thụ tinh mà bộ NST của loài tăng lên gấp đôi sau mỗi thế hệ.

Câu 14: Cho tế bào của một loài có bộ NST(2n= 16), số NST trong tế bào ở kì sau của nguyên phân là?

- A 32 NST đơn B 16 NST đơn C 32 NST kép D 16 NST kép

Câu 15: Cho quần thể vi khuẩn lactic có 10^4 tế bào, biết cứ 100 phút chúng phân chia một lần, sau 5 giờ quần thể có số lượng tế bào là?

- A 2.10^4 B 16.10^4 C 8.10^4 D 4.10^4

Câu 16: Kết quả của lần giảm phân 1, tạo ra?

- A 2 tế bào con, mỗi tế bào có bộ NST (n đơn) B 4 tế bào con, mỗi tế bào có bộ NST (n đơn)
C 4 tế bào con, mỗi tế bào có bộ NST (n kép) D 2 tế bào con, mỗi tế bào có bộ NST (n kép)

Câu 17: Bệnh nào sau đây không phải bệnh truyền nhiễm

- A Bệnh viêm não nhật bản. B Bệnh cúm C Bệnh sởi D Bệnh say nắng

Câu 18: Khi có ánh sáng và giàu khí CO_2 , nghèo chất hữu cơ, một loại vi sinh vật có thể phát triển tốt, đó là nhóm vi sinh vật?

- A Hóa tự dưỡng B Quang dị dưỡng C Quang tự dưỡng D Hóa dị dưỡng

Câu 19: Nhận định nào sau đây là đúng?

- A Chất kháng sinh không phải là chất ức chế sinh trưởng của vi sinh vật
B Xà phòng là chất diệt khuẩn nên loại được vi khuẩn.
C Clo được ứng dụng để thanh trùng nước máy
D Còn có tác dụng tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh.

Câu 20: Đặc điểm nào sau đây là của kì giữa của quá trình nguyên phân

- A Các NST kép xếp thành 2 hàng trên mặt phẳng của thoi phân bào.
B Các NST kép xếp thành 1 hàng trên mặt phẳng của thoi phân bào.
C Các NST đơn xếp thành 1 hàng trên mặt phẳng của thoi phân bào.
D Các NST kép tách nhau ra ở tâm động và tiến về 2 cực của tế bào.

Câu 21: Từ tế bào ban đầu có bộ NST (2n) qua quá trình giảm phân tạo ra các tế bào con (giao tử) có bộ NST?

- A n đơn B 2n kép C 2n đơn D n kép

Câu 22: Nhiều vi rút gây bệnh cho động vật nhưng không gây bệnh đó cho người khi tiếp xúc với mầm bệnh đó bởi vì.

- A Gai glicoprotein của vi rút đặc hiệu với thụ thể của bề mặt tế bào người.
B Cơ thể người có miễn dịch không đặc hiệu có khả năng chống lại các tác nhân gây bệnh.
C Gai glicoprotein của vi rút không đặc hiệu với thụ thể của bề mặt tế bào người.
D Người có cấu tạo hoàn thiện hơn về tổ chức cơ thể nên không bị nhiễm bệnh của động vật.

Câu 23: Các NST kép bắt cặp và trao đổi đoạn tạo nên hoán vị gen là xảy ra ở ?

- A Kì đầu 1 của giảm phân B Kì giữa của giảm phân
C Kì đầu 2 của giảm phân D Kì đầu của nguyên phân

Câu 24: Vi rút Corona có con đường xâm nhập thích hợp là?

- A Đường tiêu hóa B Đường sinh dục. C Đường hô hấp D Vết thương.

Câu 25: Vi rút động vật xâm nhập vào tế bào chủ bằng cách ?

- A Đưa vỏ capsit vào tế bào chủ B Chỉ bơm lõi axitnucleic vào tế bào chủ.
C Đưa cả nucleocapsit vào tế bào chủ D Đưa en zim và nguyên liệu vào tế bào chủ.

Câu 26: Nước ép cam cho thêm một ít đường, đây là môi trường?

- A Hóa học. B Tổng hợp C Tự nhiên D Bán tổng hợp

Câu 27: Các thành phần cơ bản của vi rút là?

- A Axit nucleic, Cacbohidrat B Protein, Glicoprotein
C Axit nucleic, Protein, Li pít. D Axit nucleic, Protein

Câu 28: Căn cứ vào đâu để chia ra các hình thái của vi rút?

- A Cách sắp xếp các gai glicoprotein B Cách sắp xếp của các capsome
C Cách sắp xếp của lõi axitnucleic D Cách sắp xếp của vỏ ngoài vi rút.

II. PHẦN TỰ LUẬN (Thời gian làm bài 15 phút).

Câu 1(1điểm).

Trình bày ảnh hưởng của nhân tố nhiệt độ đến sự sinh trưởng của vi sinh vật. Vì sao khi ngâm quả trong đường hoặc muối thì lại giữ được lâu hơn?

Câu 2(2điểm)

Bệnh truyền nhiễm là gì? Điều kiện gây bệnh? Nêu các phương thức lây truyền. Nêu các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm.

- Hết-

ĐÁP ÁN : THI HỌC KÌ 2- MÔN SINH 10 (NH: 2019- 2020)**I.PHẦN TRẮC NGHIỆM (7đ).****MÃ ĐỀ 781:**

1. D	2. D	3. A	4. C	5. C	6. A	7. D
8. B	9. A	10. D	11. C	12. D	13. B	14. D
15. C	16. C	17. C	18. D	19. A	20. C	21. A
22. A	23. A	24. A	25. B	26. B	27. B	28. B

MÃ ĐỀ 362:

1. B	2. A	3. D	4. C	5. B	6. A	7. A
8. B	9. C	10. A	11. A	12. D	13. B	14. A
15. C	16. A	17. D	18. C	19. D	20. C	21. C
22. B	23. D	24. D	25. B	26. D	27. C	28. B

MÃ ĐỀ 143:

1. D	2. A	3. C	4. B	5. D	6. A	7. D
8. B	9. C	10. A	11. B	12. B	13. A	14. A
15. C	16. D	17. D	18. C	19. C	20. B	21. A
22. C	23. A	24. C	25. C	26. D	27. D	28. B

MÃ ĐỀ 524:

1. C	2. D	3. B	4. B	5. D	6. A	7. B
8. B	9. B	10. A	11. B	12. C	13. D	14. B
15. D	16. C	17. D	18. D	19. A	20. A	21. A
22. C	23. C	24. C	25. D	26. A	27. D	28. A

II.PHẦN TỰ LUẬN (3đ)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1(1đ).	<p>Ảnh hưởng của nhân tố nhiệt độ đến sự sinh trưởng của vi sinh vật.</p> <p>- Ảnh hưởng lớn đến tốc độ của các phản ứng sinh hoá trong tế bào.</p> <p>- Căn cứ vào khả năng chịu nhiệt, người ta chia vi sinh vật làm 4 nhóm: vi sinh vật ưa lạnh, vi sinh vật ưa ấm, vi sinh vật ưa nhiệt và vi sinh vật ưa siêu nhiệt.</p> <p>Vì sao khi ngâm quả trong đường hoặc muối thì lại giữ được lâu hơn?</p> <p>Trong môi trường nhiều đường hoặc muối tức là môi trường ưu trương nên nước trong tế bào vi sinh vật kí sinh trên quả bị rút ra ngoài, làm tế bào vi sinh vật bị co nguyên sinh, do đó làm chúng không phân chia được nên quả giữ được lâu hơn.</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p>
Câu 2(2đ).	<p>-Bệnh truyền nhiễm là bệnh có khả năng lây lan từ cá thể này sang cá thể khác.</p> <p>- Điều kiện gây bệnh: độc lực (mầm bệnh và độc tố), số lượng nhiễm đủ lớn, con đường xâm nhập thích hợp.</p> <p>- Nêu các phương thức lây truyền.</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p>

	<p>*Truyền ngang: Qua hô hấp: các giọt nhỏ nhiễm vi sinh vật bắn ra khi ho hoặc hắt hơi Qua đường tiêu hoá: vi sinh vật từ phân vào cơ thể qua thức ăn , nước uống. Qua tiếp xúc trực tiếp: Qua vết thương, quan hệ tình dục, hôn nhau, dùng chung đồ... Qua động vật cắn, côn trùng đốt...</p> <p>* Truyền dọc : Từ mẹ truyền sang con qua nhau thai, qua sữa hoặc khi sinh nở.</p> <p>-Nêu các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm. +Tiêm vacxin +kiểm soát vật trung gian truyền bệnh +giữ vệ sinh cá nhân để nâng cao sức đề kháng, vệ sinh cộng đồng hạn chế tác nhân gây bệnh. +Tuyên truyền nâng cao ý thức phòng tránh bệnh truyền nhiễm...</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p>
--	---	--